

# Venue 7

3000 Series

## Quick Start Guide

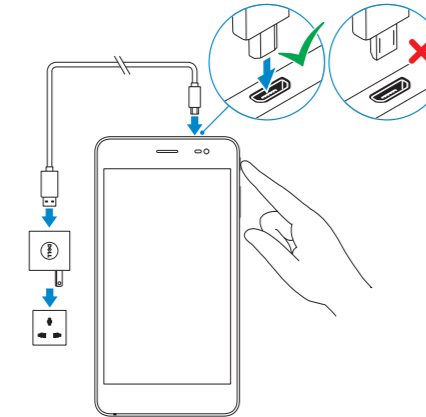
Panduan Pengaktifan Cepat  
Hướng Dẫn Bắt Đầu Nhanh

دليل البدء السريع



### 1 Connect the power cable and press the power button for 3 seconds

Sambungkan kabel daya dan tekan tombol daya selama 3 detik  
Kết nối cáp nguồn vào và bấm nút nguồn trong 3 giây  
قم بتوصيل كبل التيار واضغط على زر التشغيل لمدة 3 ثوانٍ



### 2 Finish Android setup

Selesaikan pengaturan Android | Hoàn tất cài đặt Android  
Android إعداد إعداد



#### Connect to your network.

Sambungkan ke jaringan Anda.  
Kết nối vào mạng của bạn.  
قم بالتوصيل بالشبكة لديك.

**NOTE:** If you are connecting to a secured wireless network, enter the password for the wireless network access.

**CATATAN:** Jika Anda menghubungkan ke jaringan nirkabel aman, masukkan kata sandi untuk akses jaringan nirkabel tersebut.

**LƯU Ý:** Nếu bạn đang kết nối với một mạng không dây bảo mật, hãy nhập mật khẩu để truy cập mạng không dây đó.

**ملاحظة:** في حالة اتصالك بشبكة لاسلكية مؤمنة، أدخل كلمة المرور لوصول الشبكة اللاسلكية.



#### Sign in to your account or create a new account.

Masuk ke akun Anda atau buat akun baru.  
Đăng nhập vào tài khoản của bạn hoặc tạo tài khoản mới.  
قم بتسجيل الدخول إلى حسابك أو قم بإنشاء حساب جديد.

### 3 Register your device

Daftarkan perangkat Anda | Đăng ký thiết bị của bạn  
تسجيل جهازك

[dell.com/support/retail](http://dell.com/support/retail)

### Inserting microSIM card and microSD card — optional

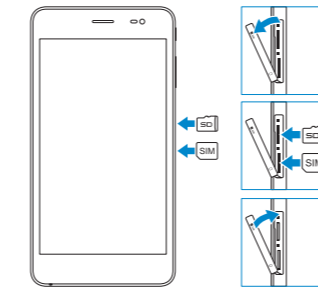
Memasukkan kartu microSIM dan kartu microSD — opsional  
Lắp thẻ microSIM và thẻ microSD — tùy chọn  
إدخال بطاقة microSIM وبطاقة microSD — اختياري

**NOTE:** Turn off your device before inserting the microSIM and microSD card.

**CATATAN:** Matikan perangkat Anda sebelum memasukkan kartu microSIM dan microSD.

**LƯU Ý:** Tắt thiết bị của bạn trước khi lắp thẻ microSIM và thẻ microSD.

**ملاحظة:** قم بإيقاف تشغيل جهازك قبل إدخال بطاقتي microSIM وmicroSD.



### Making a call

Melakukan panggilan | Thực hiện cuộc gọi  
إجراء مكالمة



1. Tap the Phone icon on the home screen.
2. Tap the dialpad icon.
3. Enter the phone number and then tap the phone icon to dial the number.

**NOTE:** You need to activate your network service before making a call.

1. Ketuk ikon Telepon di layar beranda.
2. Ketuk ikon dialpad.
3. Masukkan nomor telepon lalu ketuk ikon telepon untuk memutar nomor tersebut.

**CATATAN:** Anda perlu mengaktifkan layanan jaringan Anda sebelum melakukan panggilan.

1. Nhấn biểu tượng Điện thoại trên màn hình chính.
2. Nhấn biểu tượng bàn quay số.
3. Nhập số điện thoại và sau đó nhấn vào biểu tượng điện thoại để quay số điện thoại đó.

**LƯU Ý:** Bạn cần kích hoạt dịch vụ mạng của mình trước khi thực hiện cuộc gọi.

1. انقر فوق رمز الهاتف في الشاشة الرئيسية.
  2. انقر فوق رمز لوحة الطلب.
  3. أدخل رقم الهاتف، ثم انقر فوق رمز الهاتف لطلب الرقم.
- ملاحظة:** يجب عليك تنشيط خدمة الشبكة لديك قبل إجراء مكالمة.

**Product support and manuals**  
Manual dan dukungan produk  
Hỗ trợ sản phẩm và sách hướng dẫn  
دعم المنتج والدلائل

[dell.com/support](http://dell.com/support)  
[dell.com/support/manuals](http://dell.com/support/manuals)

**Contact Dell**  
Hubungi Dell | Liên hệ Dell  
الاتصال بـ Dell

[dell.com/contactdell](http://dell.com/contactdell)

**Regulatory and safety**  
Regulasi dan keselamatan  
Quy định và an toàn  
ممارسات الأمان والممارسات التنظيمية

[dell.com/regulatory\\_compliance](http://dell.com/regulatory_compliance)

**Regulatory model**  
Model Regulatori | Model quy định  
الموديل التنظيمي

T02C

**Regulatory type**  
Jenis regulatori | Loại quy định  
النوع التنظيمي

T02C001

**Device model**  
Model perangkat | Model thiết bị  
طرز الجهاز

Venue 7 3741

© 2014 Dell Inc.  
© 2014 Google Inc.






Printed in China.  
2014-10

## Sending a message




Mengirim pesan | Gửi tin nhắn

إرسال رسالة






1. Tap the Messaging icon  on the home screen.
2. Tap the new message icon .
3. Type the message in the **Type message** field.
4. Enter the phone number in the **To** field and tap the send icon .




**NOTE:** You need to activate your network service before sending a message.

1. Ketuk ikon Pesan  di layar beranda.
2. Ketuk ikon pesan baru .
3. Ketik pesan di dalam bidang **Ketik pesan**.
4. Masukkan nomor telepon ke dalam bidang **Kepada** lalu ketuk ikon kirim .

**CATATAN:** Anda perlu mengaktifkan layanan jaringan Anda sebelum mengirim pesan.

1. Nhấn biểu tượng Nhắn tin  trên màn hình chính.
2. Nhấn biểu tượng tin nhắn mới .
3. Nhập vào tin nhắn trong trường **Nhập tin nhắn**.
4. Nhập số điện thoại trong trường **Đến** và nhấn vào biểu tượng gửi .

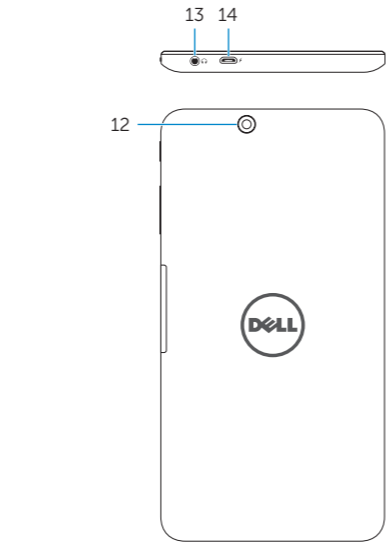
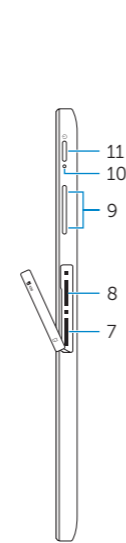
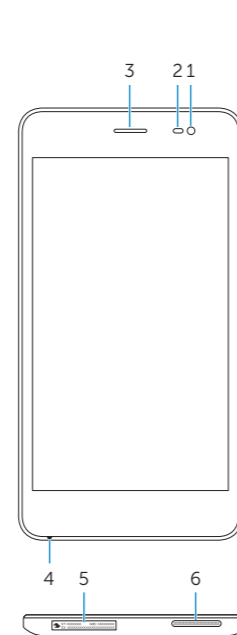
**LƯU Ý:** Bạn cần kích hoạt dịch vụ mạng của mình trước khi gửi tin nhắn.

1. انقر فوق رمز الرسائل  في الشاشة الرئيسية.
2. انقر فوق رمز رسالة جديدة .
3. اكتب الرسالة في الحقل اكتب رسالة.
4. أدخل رقم الهاتف في الحقل إلى وانقر فوق الرمز إرسال .

**ملاحظة:** يجب عليك تنشيط خدمة الشبكة لديك قبل إرسال رسالة.

## Features

Fitur | Tính năng | الميزات



1. Front camera
2. Ambient-light sensor
3. Earpiece
4. Microphone
5. Service Tag label
6. Speaker
7. MicroSIM-card slot
8. MicroSD-card slot
9. Volume buttons (2)
10. Power-status light
11. Power button
12. Rear camera
13. Headset port
14. Micro-USB/charging port

1. Kamera depan
2. Sensor cahaya lingkungan
3. Speaker telinga
4. Mikrofon
5. Label Tag Servis
6. Speaker
7. Slot kartu-MicroSIM
8. Slot kartu-MicroSD
9. Tombol volume (2)
10. Lampu status daya
11. Tombol daya
12. Kamera belakang
13. Port headset
14. Port micro-USB/ pengisian daya

1. Camera trước
2. Cảm biến ánh sáng xung quanh
3. Tai nghe
4. Micrô
5. Nhãn Thẻ bảo trì
6. Loa
7. Khe thẻ microSIM

1. الكاميرا الأمامية
2. مستشعر الضوء المحيط
3. سماعة الأذن
4. الميكروفون
5. ملصق رمز الخدمة
6. مكبر الصوت
7. فتحة بطاقة MicroSIM

8. فتحة بطاقة MicroSD
9. أزرار الصوت (2)
10. مصباح حالة الطاقة
11. زر التيار
12. الكاميرا الخلفية
13. منفذ سماعة الرأس
14. منفذ Micro-USB/الشحن

8. Khe thẻ microSD
9. Nút âm lượng (2)
10. Đèn trạng thái nguồn
11. Nút nguồn
12. Camera sau
13. Cổng tai nghe
14. Cổng micro-USB/cổng sạc

1. الكاميرا الأمامية
2. مستشعر الضوء المحيط
3. سماعة الأذن
4. الميكروفون
5. ملصق رمز الخدمة
6. مكبر الصوت
7. فتحة بطاقة MicroSIM

## Specific Absorption Rate (SAR)

The SAR limit for mobile devices are 1.6 W/kg (US and Canada), 2.0 W/kg (EU), and 1.6 W/kg (India). The highest SAR value for this device when tested was 1.520 W/kg (US and Canada), 0.354 W/kg (EU), and 1.520 W/kg (India).

### Rasio Penyerapan Khusus (Specific Absorption Rate, SAR)

Batas SAR untuk perangkat seluler adalah 1,6 W/kg (AS dan Kanada), 2,0 W/kg (EU), dan 1,6 W/kg (India). Nilai SAR tertinggi untuk perangkat ini saat diuji adalah 1,520 W/kg (AS dan Kanada), 0,354 W/kg (EU), dan 1,520 W/kg (India).

### Tỷ lệ Hấp thụ riêng (SAR)

Giới hạn SAR cho các thiết bị di động là 1,6 W/kg (Hoa Kỳ và Canada), 2,0 W/kg (EU) và 1,6 W/kg (Ấn Độ). Giá trị SAR cao nhất cho thiết bị này khi được thử nghiệm là 1,520 W/kg (Hoa Kỳ và Canada), 0,354 W/kg (EU) và 1,520 W/kg (Ấn Độ).

### معدل الامتصاص المحدد (SAR)

حد SAR للأجهزة المحمولة يكون 1.6 وات/كجم (الولايات المتحدة وكندا)، و 2.0 وات/كجم (الاتحاد الأوروبي)، و 1.6 وات/كجم (الهند). الحد الأقصى لقيمة SAR للجهاز عند اختباره كانت 1.520 وات/كجم (الولايات المتحدة وكندا)، و 0.354 وات/كجم (الاتحاد الأوروبي)، و 1.520 وات/كجم (الهند).